

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TUY AN  
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2020/HNGĐ-ST  
Ngày: 24/4/2020  
V/v tranh chấp: “Ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY AN, TỈNH PHÚ YÊN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Thanh Tùng

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trần Sáu và ông Võ Hùng Định

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Ngọc Thuý Loan - Thư ký Tòa án

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy An tham gia phiên tòa:**  
Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm - Kiểm sát viên

Ngày 24 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy An, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 236/2019/DSST ngày 30 tháng 9 năm 2019 về tranh chấp “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Huỳnh Thị Mỹ P - sinh năm 1986  
Nơi đăng ký HKTT: Thôn M, xã A, huyện Tn, tỉnh Phú Yên  
Trú tại: Thôn H, xã N, thành Phố Q, tỉnh Bình Định

2. Bị đơn: Anh Thái Trung N - sinh năm 1985  
Trú tại: Thôn M, xã A, huyện Tn, tỉnh Phú Yên

Tất cả các đương sự đều có mặt

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 17/9/2019 và được bổ sung tại phiên tòa, nguyên đơn chị Huỳnh Thị Mỹ P trình bày: Chị P và anh Thái Trung N tự nguyện tìm hiểu, đi đến hôn nhân và đăng ký kết hôn vào ngày 10/01/2008 tại UBND xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2017 thì vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, vì những bất đồng quan điểm tính cách không hợp nhau dẫn đến việc vợ chồng cãi nhau thường xuyên. Gia đình hai bên đã khuyên giải nhiều lần nhưng vợ chồng không khắc phục được để hàn gắn hôn nhân. Chị P và anh N đã không chung sống với nhau từ tháng 07/2019 đến nay. Chị P cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh N.

Về con chung: Có 02 con chung là Thái Bá T - sinh ngày 20/9/2008 và

Thái Bá C - sinh ngày 21/12/2012, do anh N đang trực tiếp nuôi dưỡng. Chị P yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung. Hiện tại, chị P có thu nhập trung bình từ 6 triệu đến 6,5 triệu đồng/tháng nên có đủ điều kiện để nuôi dưỡng con và yêu cầu anh N phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung là 2.000.000đ/tháng, cụ thể cấp dưỡng cho mỗi cháu 1.000.000đ/tháng; chị P không đồng ý giao con cho anh N chăm sóc, nuôi dưỡng con vì mẹ anh N tàn tật, anh N đi làm biển, không có đủ điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng các con được đầy đủ được.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

- Tại các bản tự khai, biên bản hòa giải và được bổ sung tại phiên tòa, bị đơn anh Thái Trung N trình bày: Anh N và chị P tự nguyện tìm hiểu, đi đến hôn nhân và đăng ký kết hôn vào ngày 10/01/2008 tại UBND xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2017 thì vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, vì những bất đồng quan điểm tính cách không hợp nhau dẫn đến việc vợ chồng cãi nhau thường xuyên. Gia đình hai bên đã khuyên giải nhiều lần nhưng vợ chồng không khắc phục được nên chị P về nhà cha mẹ từ tháng 07/2019 đến nay. Nay chị P yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn thì anh N đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung như chị P khai do anh N đang trực tiếp nuôi dưỡng. Anh N đang làm nghề sửa chữa điện cơ mở tại nhà, ngoài ra còn làm thợ lặn với mức thu nhập trung bình từ 12 triệu đến 15 triệu đồng/tháng, khi đi lặn xa bờ thì thu nhập cao hơn nên có đủ điều kiện để nuôi dưỡng các con. Mặt khác, từ khi chị P bỏ đi đến nay, hai con đều do anh trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Anh N có thu nhập ổn định, đã có nhà riêng và làm việc tại nhà, khi anh N đi làm thì có cha mẹ giúp chăm sóc các cháu. Trong thời gian sống ly thân, anh Nguyễn nuôi dưỡng các cháu phát triển đầy đủ, khoẻ mạnh bình thường. Để các cháu có cuộc sống ổn định, việc học hành được đảm bảo nên anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

- Tại phiên tòa: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy An tham gia phiên tòa phát biểu: Quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký và người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX công nhận thuận tình ly hôn của nguyên đơn và bị đơn; giao con chung là các cháu Thái Bá T - sinh ngày 20/9/2008 và Thái Bá C - sinh ngày 21/12/2012 cho anh Nguyễn được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; Chị P không phải cấp dưỡng nuôi con.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Tuy An nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Thái Trung N đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện trú tại thôn M, xã A, huyện T, Phú Yên nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuy An.

[2] Về nội dung tranh chấp:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Huỳnh Thị Mỹ P và anh Thái Trung N tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân, đã đăng ký kết hôn ngày 10/01/2008 tại UBND xã An Chấn, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên, nên được coi là hôn nhân hợp pháp.

Theo chị P trình bày, sau khi kết hôn thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do cách sống, ứng xử không hợp nhau dẫn đến cãi nhau, gia đình hai bên có khuyên bảo hàn gắn tình cảm nhưng không được, vợ chồng không còn sống chung với nhau từ tháng 07/2019 cho đến nay. Anh N thừa nhận nguyên nhân mâu thuẫn như chị P trình bày và đồng ý ly hôn.

Căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn và tài liệu chứng cứ đã được kiểm tra, Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân của vợ chồng chị P và anh N là trầm trọng và tại phiên tòa các bên đương sự giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Do đó, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, bị đơn và đề nghị của Kiểm sát viên, công nhận sự thuận tình ly hôn của chị P và anh N

- Về con chung: Quá trình giải quyết vụ án, chị P và anh N thống nhất có 02 con chung là Thái Bá T - sinh ngày 20/9/2008 và Thái Bá C - sinh ngày 21/12/2012, hiện cháu T và cháu C do anh N đang trực tiếp nuôi dưỡng. Chị P và anh N đều yêu cầu được nuôi 02 con chung.

Xét thấy, khi chị P và anh N không còn sống chung thì anh N vẫn bảo đảm việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung; đồng thời các cháu đều có nguyện vọng sống với anh N nên để đảm bảo sự phát triển bình thường của các cháu nên chấp nhận ý kiến của Kiểm sát viên, giao hai con chung cho anh N tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Ngoài ra, anh N không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không xem xét.

- Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên không giải quyết.

[3] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn, bị đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm về ly hôn theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử:*

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Huỳnh Thị Mỹ P và anh Thái Trung N.

2. Về con chung: Anh Thái Trung N được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung là Thái Bá T - sinh ngày 20/9/2008 và Thái Bá C - sinh ngày 21/12/2012 (hiện cháu T và cháu C do anh N đang trực tiếp nuôi dưỡng). Chị Huỳnh Thị Mỹ P không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Không giải quyết.

4. Về án phí:

- Chị Huỳnh Thị Mỹ P phải chịu 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền số 0011732 ngày 25/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy An, nên hoàn trả cho chị P số tiền 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*).

- Anh Thái Trung N phải chịu 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

\* **Nơi nhân:**

- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND huyện Tuy An (2);
- Chi cục THADS huyện Tuy An;
- UBND xã An Chấn, H. Tuy An;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**  
 (Đã ký)

**Lê Thanh Tùng**

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thanh Tùng**